

PHƯƠNG ÁN BẢO TỒN KHÔNG GIAN LÀNG TRONG LÒNG ĐÔ THỊ TRUNG TÂM TỈNH BẮC NINH (THAM KHẢO MÔ HÌNH BẢO TỒN LÀNG HAHOE CỦA HÀN QUỐC)

Cao Thị Hải Bắc*

*Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội
Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận bài ngày 02 tháng 10 năm 2019

Chỉnh sửa ngày 19 tháng 12 năm 2019; Chấp nhận đăng ngày 30 tháng 03 năm 2020

Tóm tắt: Sử dụng một phần dữ liệu của đề tài “Bảo tồn không gian làng trong lòng đô thị lõi Bắc Ninh” do Viện Quy hoạch, Kiến trúc Bắc Ninh thực hiện và các nguồn dữ liệu có sẵn khác từ sách, báo, tạp chí, internet, kết hợp phương pháp phân tích tỷ lệ %, phương pháp so sánh, bài viết này tập trung tìm hiểu 3 vấn đề: (1) Thực trạng các làng thuộc khu vực đô thị trung tâm tỉnh Bắc Ninh hiện nay, (2) Các nội dung cần được bảo tồn ở các làng trong khu vực đô thị trung tâm tỉnh Bắc Ninh, (3) Các phương thức bảo tồn làng Hahoe của Hàn Quốc có thể áp dụng cho không gian làng trong lòng đô thị Bắc Ninh. Một số kết quả chính thu được từ nghiên cứu này như sau. Thứ nhất, về thực trạng, đa số các làng trong lòng đô thị Bắc Ninh còn giữ được hình thái làng rõ rệt. Thứ hai, các nội dung chính cần được bảo tồn tại các làng gồm có: Cảnh quan thiên nhiên, đặc trưng văn hóa, công trình công cộng và công trình kiến trúc cổ. Thứ ba, có thể áp dụng linh hoạt các mô hình bảo tồn của Hàn Quốc như lưu giữ và phục dựng nguyên trạng cảnh quan kiến trúc nhà ở truyền thống cũng như không gian sinh hoạt cộng đồng, đẩy mạnh thiết kế các chương trình trải nghiệm thực tế thu hút sự tham gia của cả người dân địa phương và khách du lịch, phát huy tối đa quyền tự chủ của Hội bảo tồn làng dân tộc do chính những người dân địa phương thành lập và quản lý.

Từ khóa: Bảo tồn không gian làng, đô thị trung tâm Bắc Ninh, làng dân tộc Hahoe

1. Đặt vấn đề

Bắc Ninh nổi tiếng là quê hương của nhiều gốc tích văn hóa vùng đồng bằng Bắc Bộ. Một trong những gốc tích ấy chính là sự trường tồn của hệ thống làng mạc chằng chịt. Ở Bắc Ninh, làng không chỉ hiện hữu ở nông thôn mà còn đan xen ngay trong lòng đô thị. Quá trình đô thị hóa nhanh và mạnh đã tác động không nhỏ đến hình thái cũng như các giá trị truyền thống của làng ở cả phương diện tích cực và tiêu cực.

Về mặt tích cực, công nghiệp hóa - đô thị hóa vừa làm giảm bớt tính khép kín và làm tăng tính mở của cộng đồng làng truyền thống, vừa cải thiện đời sống kinh tế cho người dân trong làng. Về mặt tiêu cực, quá trình công nghiệp hóa - đô thị hóa khi can thiệp ở mức độ sâu rộng đã phá vỡ cảnh quan, kiến trúc và đời sống sinh hoạt, kinh tế của nhiều làng. Về cảnh quan, kiến trúc, sự xen cài giữa các nhà ở nông thôn với các nhà hàng mang dáng dấp đô thị nhưng không được qui hoạch chính trang đã tạo ra sự lộn xộn, lai căng bất hợp lý. Nhiều công trình kiến trúc cổ đã bị xây lại theo kiến trúc hiện đại. Nhiều đình chùa bị hư hại, nhiều

* ĐT.: 84-38 983 9576

Email: haibac86@gmail.com

công làng, công xóm đã bị tháo dỡ và nhiều con đường làng gạch đỏ đã được thay thế bởi đường bê tông hiện đại. **Bên cạnh yếu tố cảnh quan, kiến trúc**, đời sống sinh hoạt, kinh tế của người dân trong làng cũng chịu nhiều tác động tiêu cực. Các khu công nghiệp (KCN) như KCN Yên Phong, KCN Quế Võ, KCN Từ Sơn v.v... tràn về các làng tạo nên làn sóng “ly nông”, “ly hương” ngày càng mạnh mẽ. Đặc biệt, đáng chú ý tại các làng trong đô thị, phần lớn người dân đã không còn làm nông nghiệp mà chuyển sang buôn bán hoặc làm công nhân trong các khu công nghiệp hoặc cải tạo đất vườn để xây nhà cho thuê phục vụ nhu cầu nhà ở cho các khu công nghiệp. Bên cạnh đó, tình làng nghĩa xóm đã không còn mặn mà và các lễ hội truyền thống hay các sinh hoạt văn hóa dân gian đã mất nhiều thân thái xưa (Phạm Đình Nghĩa, 2014).

Những tác động tiêu cực này đã đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc bảo tồn không gian làng trong đô thị trung tâm Bắc Ninh. Đặc biệt, cần có những nghiên cứu học thuật khảo sát và đánh giá liên ngành về hiện trạng các làng cần bảo tồn để từ đó nắm rõ nội dung cần bảo tồn cũng như đề xuất các giải pháp bảo tồn mang tính thiết thực nhất. Tuy nhiên, vấn đề bảo tồn không gian làng mới chỉ được đề cập nhiều trên thông tin ngôn luận mà chưa được phân tích nhiều trong các nghiên cứu học thuật. Có thể kể đến một số nghiên cứu trong và ngoài nước tiêu biểu đã đề cập đến vấn đề bảo tồn làng truyền thống như Lê Thị Minh Lý (2003), Nguyễn Quốc Hùng (2007), Đặng Văn Bài (2007), Đào Ngọc Cảnh và Huỳnh Văn Đà (2013), Huỳnh Ngọc Phương (2014), Phún Khánh Linh (2015), Dong Jin Kang (1999), Hedi Dumreicher (2008), Joern Fischer (2012) v.v... Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu này chỉ tập trung tìm hiểu và đề xuất các phương án bảo tồn dựa trên những miêu tả và đánh giá chủ quan. Các nghiên

cứ đi sâu về giải pháp bảo tồn cũng mới dừng lại ở việc đề xuất các phương án bảo tồn một hay một vài giá trị cụ thể của làng, ví dụ giá trị làng nghề, giá trị lễ hội, giá trị du lịch v.v... Các phương án bảo tồn cảnh quan, kiến trúc và các giá trị văn hóa phi vật thể khác còn ít được đề cập đến. Đặc biệt, các nghiên cứu về bảo tồn không gian làng trong đô thị còn khá hạn chế.

Việt Nam và Hàn Quốc là hai quốc gia có nhiều nét văn hóa tương đồng, trong đó có văn hóa làng xã. Cũng giống như Việt Nam, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã mài mòn nhiều giá trị truyền thống của làng ở Hàn Quốc. Do vậy, chính phủ Hàn Quốc cũng đang thực hiện nhiều chính sách tích cực nhằm bảo tồn làng truyền thống. Trong đó, mô hình bảo tồn làng Hahoe thuộc tỉnh Andong ở Hàn Quốc có thể đưa ra nhiều gợi ý quý báu cho vấn đề bảo tồn không gian làng trong lòng đô thị Bắc Ninh. Andong là thành phố nằm ở phía Bắc của tỉnh Kyeongsangbuk-do. Nơi đây tập trung rất nhiều di sản văn hóa giống đặc trưng của thành phố Bắc Ninh. Bên cạnh đó, cũng giống như Bắc Ninh, ngày nay, Andong còn lưu giữ khá nhiều ngôi làng truyền thống trong lòng đô thị. Dấu tích quá khứ và nhịp sống hiện đại vẫn song hành theo thời gian. Đây cũng là lý do tác giả lựa chọn so sánh làng Hahoe ở Andong với làng trong thành phố Bắc Ninh

Chủ đề bảo tồn làng truyền thống đã được nghiên cứu nhiều ở cả Việt Nam và trên thế giới. Các nghiên cứu tiêu biểu trên thế giới có thể kể như Dong Jin Kang (1999), Hedi Dumreicher (2008), Joern Fischer (2012), Trung tâm nghiên cứu bảo tồn và phát triển làng truyền thống ở Trung Quốc (2014) v.v... Tại Việt Nam, các nghiên cứu tiêu biểu về chủ đề này có thể kể đến như Hoàng Đình Tuấn (1999), Lê Thị Minh Lý (2003), Nguyễn Quốc Hùng (2007), Đặng Văn Bài (2007), Đào Ngọc Cảnh và Huỳnh Văn Đà (2013), Huỳnh Ngọc

Phuong (2014), Phạm Đình Việt (2014), Phún Khánh Linh (2015) v.v... Điểm chung của các nghiên cứu trên thế giới là tập trung tìm hiểu các nội dung cũng như phương pháp bảo tồn làng truyền thống. Tuy nhiên, hầu hết các nghiên cứu này mới chỉ dừng phạm vi nghiên cứu ở khu vực nông thôn mà chưa đề cập đến các không gian làng trong các đô thị, vốn đang là một hiện thực khá phổ biến tại Việt Nam.

Bên cạnh đó, các nghiên cứu tiêu biểu của các tác giả người Việt Nam nêu trên đã phân tích và bàn luận đến nhiều khía cạnh đa dạng của vấn đề bảo tồn làng truyền thống trong lòng đô thị hiện đại. Ví dụ, Hoàng Đình Tuấn (1999) đã đề cập đến bảo tồn kiến trúc của các làng ngoại thành Hà Nội, Lê Thị Minh Lý (2003) lại chú trọng đến bảo tồn giá trị văn hóa phi vật thể của làng, hay Nguyễn Quốc Hùng (2007) bàn cụ thể hơn đến biện pháp bảo tồn giá trị di sản của làng truyền thống ở khu vực đồng bằng Bắc Bộ và Phún Khánh Linh (2015) lại tập trung nghiên cứu về các giải pháp bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống v.v... Tuy nhiên, hạn chế chung của các nghiên cứu này là chưa dựa trên kết quả khảo sát hay mô hình bảo tồn làng của nước ngoài.

Nắm được những hạn chế trong lịch sử nghiên cứu liên quan đến bảo tồn làng, đề tài đặt ra ba câu hỏi nghiên cứu chính: (1) *Thực trạng các làng thuộc khu vực đô thị trung tâm tỉnh Bắc Ninh hiện nay như thế nào?* (2) *Các làng trong khu vực đô thị trung tâm tỉnh Bắc Ninh hiện nay cần được bảo tồn ở những nội dung nào?* (3) *Hàn Quốc đang bảo tồn làng Hahoe theo những phương thức nào? Từ đó, có thể rút ra những phương án bảo tồn nào hiệu quả cho không gian làng trong lòng đô thị Bắc Ninh?*

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này đã sử dụng nhiều phương pháp thu thập dữ liệu. Trước hết là phương

pháp tổng hợp các nguồn tài liệu có sẵn như đồ án quy hoạch hay các tài liệu về địa lý hành chính của tỉnh Bắc Ninh, các sách, báo chuyên ngành v.v... Không chỉ khai thác các nguồn tài liệu tiếng Việt, bài viết còn tham khảo các nghiên cứu tiếng Hàn, tiếng Anh nhằm tìm hiểu về kinh nghiệm bảo tồn làng truyền thống trên thế giới.

Ý tưởng về bảo tồn không gian làng trong lòng đô thị trung tâm Bắc Ninh đã được thai nghén trong quá trình lập nhiệm vụ Quy hoạch đô thị Bắc Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1560/QĐ-TTg ngày 10/9/2015 và được lập bởi Liên danh tư vấn Nikken Sekkei Civil Engineering Ltd (Nhật Bản) cùng Viện Quy hoạch, Kiến trúc Bắc Ninh. Năm 2017, tỉnh Bắc Ninh chính thức phê duyệt triển khai đề tài “Bảo tồn không gian làng trong lòng đô thị lõi Bắc Ninh” do ông Cao Văn Hà làm chủ nhiệm đề tài. Khách thể nghiên cứu của đề tài chính là các làng trong đô thị trung tâm tỉnh Bắc Ninh và những người dân đang sinh sống tại các làng này nói chung và đại diện 720 người dân tham gia trả lời phiếu khảo sát về vấn đề bảo tồn không gian làng nói riêng. Trong số 720 người dân tham gia khảo sát, có 220 người là cán bộ cấp thôn, xã và 500 người là dân thường. Được sự đồng ý của chủ nhiệm đề tài, tác giả bài viết này sử dụng một phần dữ liệu khảo sát từ đề tài để liên hệ với vấn đề bảo tồn làng ở Hàn Quốc. Tác giả bài viết này cũng chính là thành viên trực tiếp tham gia đề tài. Do vậy, mọi ý tưởng cũng như phương pháp triển khai bài viết đều có sự phát triển logic mà không phải là sự sao chép ý tưởng của người khác.

Ngoài phương pháp tổng hợp và phân tích có phê phán, đánh giá các nghiên cứu đi trước, bài viết còn sử dụng phương pháp so sánh như so sánh các vấn đề các vấn đề bảo tồn làng ở

Việt Nam với các quốc gia khác v.v... nhằm phân tích vấn đề ở cả chiều rộng và chiều sâu.

3. Hiện trạng các làng cần được bảo tồn

3.1. Phân loại các làng cần bảo tồn

Theo khảo sát của đề tài “Bảo tồn không gian làng trong lòng đô thị lõi Bắc Ninh”, hiện

nay ở trung tâm đô thị Bắc Ninh¹ có 187 làng cần được bảo tồn. Khu vực và số lượng các làng phân theo hình thái địa lý được liệt kê trong Bảng 1 dưới đây.

Bảng 1. Số lượng làng cần bảo tồn theo hình thái địa lý²

Đơn vị: làng

Nhóm làng Khu vực	Làng ven sông	Làng ven núi	Làng đồng bằng	Làng ven thị	Làng nội thị
TP. Bắc Ninh	15/69 (21,7%)	15/69 (21,7%)	11/69 (15,9%)	18/69 (26,0%)	48/69(69,5%)
H. Tiên Du	13/62 (21%)	17/62 (27,4%)	25/62 (40,3%)	59/63 (95,2%)	03/62 (4,8%)
TX. Từ Sơn	19/41 (46,3%)	0	28/41 (68,3%)	22/41 (53,6%)	19/41(46,3%)
H. Quế Võ	10/15 (66,7%)	0	05/15 (33,3%)	15/15 (100%)	0

Bảng 1 cho thấy rõ khu vực Thành phố Bắc Ninh cần tập trung nhiều nhất vào việc bảo tồn nhóm làng nội thị (48/69 làng). Trái lại, huyện Tiên Du có số lượng làng ven thị cần được bảo tồn nhiều hơn cả (59/63 làng). Trong khi đó, các làng thuộc Thị xã Từ Sơn

chủ yếu là làng đồng bằng và ở huyện Quế Võ, 100% số làng ven thị cần được bảo tồn. Bên cạnh đó, khu vực và số lượng các làng còn được phân theo đặc trưng văn hóa như Bảng 2 dưới đây.

Bảng 2. Số lượng làng cần bảo tồn theo đặc trưng văn hóa

Đơn vị: làng

Nhóm làng Khu vực	TP. Bắc Ninh		H. Tiên Du		TX. Từ Sơn		H. Quế Võ	
	N	%	N	%	N	%	N	%
Làng có di tích lịch sử được xếp hạng	45	65,2	48	77,4	35	85,3	7	43,3
Làng quan họ	31	47	9	14,5	2	4,8	0	0
Làng nghề truyền thống	05	7,6	05	8,0	19	46,3	0	0
Làng có cảnh quan đẹp	22	31,9	26	41,9	18	43,9	7	46,7
Làng tổng hợp nhiều đặc trưng văn hóa	12	17,4	07	11,3	06	14,6	0	0

Nhìn vào Bảng 2, ta có thể thấy khu vực đô thị lõi Bắc Ninh là vùng đất có nhiều làng di tích lịch sử được xếp hạng các cấp. Trong đó, Thành phố Bắc Ninh và huyện Tiên Du tập trung các làng có di tích lịch sử, làng quan họ và làng có tổng hợp nhiều đặc trưng văn hóa cần được bảo tồn nhiều hơn so với 2 khu vực còn lại. Tuy nhiên, khu vực Thị xã Từ Sơn lại có số lượng làng nghề truyền thống cần được bảo tồn nhiều

nhất (19 làng) so với 3 khu vực còn lại.

Theo đánh giá tổng quan của đề tài “Bảo tồn không gian làng trong lòng đô thị lõi Bắc Ninh”, trong phạm vi đô thị trung tâm Bắc

1. Theo Quy hoạch đô thị của tỉnh Bắc Ninh, khu vực đô thị trung tâm Bắc Ninh bao gồm Tp. Bắc Ninh, Thị xã Từ Sơn, Huyện Tiên Du và huyện Quế Võ.

2. Một làng có thể thuộc 2 nhóm hình thái địa lý, ví dụ vừa là làng ven sông vừa là làng nội thị.

Ninh, có 141 trên tổng số 187 làng còn giữ được hình thái làng rõ rệt nhất. Đặc biệt, một số làng cần bảo tồn khẩn cấp như làng Trà Xuyên (TP. Bắc Ninh), làng Duệ Đông (H. Tiên Du), làng Tiêu Sơn, Cẩm Giang...(Thị xã Từ Sơn), làng Nga Hoàng...(H. Quế Võ).

3.2. Mức độ lưu giữ giá trị truyền thống của các làng cần được bảo tồn

Nhóm khảo sát của đề tài “Bảo tồn không gian làng trong lòng đô thị lõi Bắc Ninh” cũng đã đánh giá về mức độ nguyên vẹn của các giá trị truyền thống của mỗi làng. **Về hình thái làng**, nói chung, hình thái làng còn giữ được những nét cơ bản của các làng quê truyền thống của khu vực đồng bằng Bắc Bộ như mật độ nhà ở thấp, khuôn viên đất ở rộng, có sân, có vườn, chiếm khoảng 80-90%. **Về cảnh quan**, ranh giới làng còn rõ, mật độ cây xanh cao, nhiều cảnh quan đẹp, nhất là các làng ven núi Dạm thuộc Thành phố Bắc Ninh; các làng quanh các dãy núi Tiên Du thuộc huyện Tiên Du; các làng ven sông Cầu như Quả Cảm, Viêm Xá, thuộc Thành phố Bắc Ninh v.v... **Về kiến trúc**, đối với các công trình công cộng, đa số các làng đều có nơi sinh hoạt cộng đồng là Nhà văn hóa thôn, được xây dựng khoảng 10 năm trở lại đây. Đối với công trình nhà ở, có ba hình thức nhà ở phổ biến nhất như sau. Thứ nhất là nhà ở kiểu truyền thống: 1 tầng, mái ngói, có sân trước vườn sau, số lượng còn lại tương đối ít, chỉ chiếm khoảng 20%, chủ yếu ở các làng thuần nông hoặc các làng ven đồi, núi có mật độ dân cư thưa. Thứ hai là nhà ở hiện đại (từ thập niên 80 thế kỷ trước đến nay): chiếm đại đa số ở các thôn làng hiện nay. Thứ ba là hình thái nhà ở cổ (xây dựng trên 70 năm). Hầu như các làng vẫn còn dạng nhà ở này nhưng tỷ lệ rất ít, mỗi làng chỉ còn khoảng từ 1-5 cái, được sử dụng làm nhà ở hoặc nhà thờ họ. **Về không gian**, hầu hết các làng còn giữ được không gian công cộng, hồ nước

quanh các khu vực đình, chùa, đền, không gian lễ hội, khu vực nhà văn hóa thôn. **Về thực trạng các công trình hạ tầng**, hệ thống đường giao thông ở các làng hiện nay đa số được bê tông hóa sau khi thực hiện chương trình Nông thôn mới từ năm 2011 đến nay. Một số làng còn giữ được một số lượng nhỏ đường đá cổ (Phù Lư, Đình Bảng - Từ Sơn). Những đoạn đường lát gạch cũ cũng chỉ còn rất ít tại một số ngõ xóm. **Về các công trình tâm linh**, hầu hết các làng đều có các công trình Đình, Chùa, một số làng có Đền, Nghè, Miếu, trong đó có nhiều công trình được xếp hạng di tích cấp quốc gia, cấp tỉnh. **Về các giá trị văn hóa, lịch sử phi vật thể**, hầu hết các làng còn lưu giữ nhiều yếu tố truyền thống như dân ca quan họ (làng Đọ, làng Diềm...), ẩm thực (bánh khúc làng Diềm, bánh phu thê Đình Bảng...), trò chơi dân gian (kéo co Hòa Long, đánh đu Từ Sơn...). **Về nghề truyền thống**, một số làng nghề nổi tiếng cả nước như làng gỗ Đồng Kỵ, làng sắt thép Châu Khê, làng dệt tơ lụa Tam Tảo – Nội Duệ...

3.3. Mức độ đồng thuận của người dân địa phương về bảo tồn không gian làng

Ý tưởng qui hoạch đô thị Bắc Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó có ý tưởng bảo tồn không gian làng của ông Cao Văn Hà đã nhận được sự đồng tình ủng hộ cao của các cấp lãnh đạo tỉnh, thành phố. Tuy nhiên, nhận thấy rõ rằng mọi chủ trương, chính sách cần phải bắt nguồn từ nguyện vọng của nhân dân và được nhân dân ủng hộ nên đề tài nghiên cứu khoa học “Bảo tồn không gian làng trong lòng đô thị lõi Bắc Ninh” đã được thực hiện nhằm khảo sát mức độ đồng thuận của người dân địa phương đối với chiến lược bảo tồn này.

Theo kết quả khảo sát này, 98,9% người được hỏi trả lời rằng “bảo tồn không gian

làng trong khu vực đô thị lõi Bắc Ninh là cần thiết”. Chỉ có 1,1% đưa ra ý kiến “không cần thiết”. Khi được hỏi cụ thể hơn về không gian làng, nơi người trả lời đang sinh sống thì có 97,6% trả lời rằng “không gian làng của mình cần được bảo tồn”. Tỷ lệ trả lời này đã phản ánh mức độ đồng thuận cao của người dân với đề án bảo tồn không gian làng trong khu vực đô thị lõi Bắc Ninh. Đồng thời, kết quả khảo sát cũng cho thấy nguyện vọng chính đáng của người dân cũng như tính cấp thiết cần bảo tồn các không gian làng để gìn giữ và phát triển không gian sinh hoạt văn hóa truyền thống trong dòng chảy của các đô thị hiện đại.

4. Nội dung bảo tồn

Có khá nhiều quan điểm khác nhau về bảo tồn các giá trị truyền thống. Nếu như kiến trúc sư nổi tiếng người Pháp Viollet Le Duc cho rằng việc phục hồi các tòa nhà, các công trình kiến trúc cổ nên có sự thay đổi và sáng tạo, đặc biệt là nội thất thì John Ruskin và William Morris lại phản đối quan điểm này và nhấn mạnh bảo tồn là khôi phục như vốn có, không nên cố tái tạo cái đã từng ở đó. Hai nhà phê bình nghệ thuật nổi tiếng này từng để lại câu nói bất hủ: “Giả vờ và mô phỏng là không thể chấp nhận được” (dẫn theo Peter Horward, 2003, tr. 206-208).

Bên cạnh đó, thể hiện quan điểm khách quan và toàn diện hơn về bảo tồn, G. J. Ashworth, giáo sư của trường Đại học Groningen, Hà Lan đã đưa ra 3 mô hình lý thuyết về bảo tồn: Bảo tồn nguyên trạng, Bảo tồn kế thừa và Bảo tồn phát triển. Bảo tồn nguyên trạng hướng đến bảo tồn tính nguyên gốc của các vật thể, bảo tồn kế thừa là khôi phục vật thể nào đó gần đạt như nguyên gốc và bảo tồn phát triển là vừa giữ lại phần nào nét nguyên gốc vừa sáng tạo cho phù hợp với xu hướng thời đại. Các di sản vật thể và phi

vật thể vốn rất phong phú và đa dạng. Do vậy, khó có thể áp dụng một mô hình bảo tồn cho tất cả các di sản. Mặt khác, một di sản phi vật thể có thể có nhiều phương án bảo tồn khác nhau. Ví dụ, đối với nghệ thuật truyền thống, một mặt bảo tồn nguyên trạng những gì còn lại, đồng thời mặt khác có thể phát triển, thay đổi ở những mức độ sáng tạo khác nhau (Bùi Quang Thắng và cộng sự, 2012, tr. 51-55).

Như vậy, tác giả bài viết này cũng ủng hộ quan điểm về bảo tồn của G. J. Ashworth. Cần áp dụng cả 3 mô hình lý thuyết về bảo tồn nêu trên ở những hoàn cảnh và đối với từng di sản cụ thể. Tức là, cần phân biệt “Bảo tồn không gian làng” với “Bảo tồn di sản”, “Bảo tồn cái làng”. Bảo tồn không gian làng không đơn thuần chỉ là giữ gìn nguyên vẹn các di sản và không gian để ở hay chính là thể xác của cái làng mà còn là giữ gìn cả tâm hồn của nó, hay chính là các đặc trưng tích cực về văn hóa, tinh thần nhằm tạo nên sự khác biệt nhất định với đô thị. Mặt khác, bảo tồn không gian làng trong lòng đô thị là một nhiệm vụ tổng hợp bao gồm bảo tồn không gian làng song song với phát triển đô thị. Từ quan điểm nêu trên, ngay từ khi xây dựng bảng hỏi cho đề tài “Bảo tồn không gian làng trong lòng đô thị lõi Bắc Ninh”, tác giả bài viết đã xác định 10 nội dung cần bảo tồn có thể áp dụng chung cho hầu hết các làng như Nhà ở truyền thống; Công trình kiến trúc cổ (Đình, chùa, cổng làng v.v...); Công trình công cộng (chợ, không gian lễ hội v.v...); Đường làng; Cảnh quan thiên nhiên; Cảnh quan nhân tạo; Văn hóa (Khoa bảng, lễ hội, ẩm thực v.v...); Di sản phi vật thể (quan họ v.v...); Nghề truyền thống; Hương ước. Kết quả khảo sát được thể hiện trong Bảng 3 sau đây.

Bảng 3. Các nội dung cần được bảo tồn trong không gian làng

STT	Nội dung cần bảo tồn	Tỷ lệ %
1	Nhà ở truyền thống	30
2	Công trình kiến trúc cổ (Đình, chùa, cổng làng v.v...)	86,4
3	Công trình công cộng (Nhà văn hóa, chợ, không gian lễ hội v.v...)	61,4
4	Đường làng	45,1
5	Cảnh quan thiên nhiên	50,4
6	Cảnh quan nhân tạo	19,2
7	Văn hóa (Khoa bảng, lễ hội, ẩm thực v.v...)	50,6
8	Di sản phi vật thể (quan họ, múa v.v...)	45,6
9	Nghề truyền thống	31,7
10	Hương ước	48,5

Nhìn vào bảng 3 có thể thấy rõ các nội dung cần bảo tồn có tỷ lệ lựa chọn từ 50% trở lên bao gồm: Cảnh quan thiên nhiên (50,4%), Văn hóa (50,6%), Công trình công cộng (61,4%) và công trình kiến trúc cổ (86,4%). Điều này phản ánh rõ quan tâm nhiều nhất của người dân đang được dành cho việc bảo tồn các công trình kiến trúc cổ như đình, chùa, đền, miếu, cổng làng v.v... Đây không chỉ là những tuyệt tác về kiến trúc mà còn là những minh chứng quan trọng, phản ánh trình độ thẩm mỹ nói riêng và trình độ phát triển nói chung của một giai đoạn lịch sử của làng cũng như của cả vùng Kinh Bắc xưa.

Quan tâm thứ hai của người dân là việc bảo tồn các công trình công cộng của làng như nhà văn hóa, chợ làng, không gian lễ hội, v.v... Có thể nói, hệ thống các chợ truyền thống cũng như các không gian lễ hội là nét đặc trưng không thể thiếu của mỗi làng ở Bắc Ninh. Các không gian chợ có thể là các khu vực ven đê hay ven ao làng. Trong khi đó, không gian lễ hội thường là sân đình, đồi cây (Đồi Lim). Các công trình công cộng này vừa là không gian sinh hoạt kinh tế, văn hóa chung của cả làng vừa là không gian giao lưu giữa các làng. Có thể nói các công trình công cộng như không gian chợ quê, không gian lễ hội là nơi đọng lại rõ nét nhất các giá trị truyền thống của làng như đặc sản của làng, văn hóa của làng, tình người trong làng, v.v...

Kết quả khảo sát với phần lớn người trả lời lựa chọn cần bảo tồn các công trình công cộng tại làng mình (61,4%) đã phản ánh tương đối rõ nguyện vọng của người dân muốn được lưu giữ các giá trị truyền thống ngay trong lòng nhịp sống đô thị hiện đại.

Các nội dung như cảnh quan thiên nhiên, giá trị văn hóa như khoa bảng, ẩm thực, lễ hội, v.v... cũng là những thế mạnh của nhiều không gian làng trong lòng đô thị trung tâm Bắc Ninh. Đây cũng là những nội dung bảo tồn được phần lớn người dân lựa chọn. Đó là gợi ý cho các nhà hoạch định chính sách cần có chiến lược cụ thể hơn trong việc bảo tồn các nội dung này trong nhiều không gian làng tại đô thị trung tâm Bắc Ninh.

5. Mô hình bảo tồn làng của Hàn Quốc và phương án bảo tồn không gian làng trong lòng đô thị trung tâm Bắc Ninh

5.1. Mô hình bảo tồn làng của Hàn Quốc

5.1.1. Danh sách các làng bảo tồn tiêu biểu của Hàn Quốc

Năm 1973, Luật bảo tồn di sản văn hóa của Hàn Quốc ban hành căn cứ pháp lý để xác định các khu vực văn hóa dân gian. Địa phương tự khảo sát và lựa chọn các khu vực cần được bảo tồn. Sau năm 1984, nhiều khảo sát được tiến hành để xác định thực trạng các làng cần được bảo tồn và kể từ năm

2001, Hàn Quốc triển khai chính sách duy trì nguyên trạng làng dân tộc, và từ sau 2010 triển khai chính sách khai thác và bảo tồn các làng dân tộc một cách bền vững.

Năm 2001, Cục di sản văn hóa Hàn Quốc đã xây dựng kế hoạch trung, dài hạn bảo tồn quản lý di sản văn hóa và kế hoạch 5 năm chính trang tổng thể làng dân tộc. Năm 2003, Hàn Quốc tổ chức cuộc trưng cầu ý dân “Bảo tồn làng dân tộc và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân”. Căn cứ kết quả khảo sát, tháng 5 năm 2004, “Kế hoạch chính trang tổng thể làng dân tộc” chính thức được triển khai cụ thể. Năm 2011, chính phủ Hàn Quốc ban hành qui định chính thức về tiêu chuẩn lắp đặt cơ sở hạ tầng sinh hoạt tại các làng văn hóa dân tộc trọng điểm. Tiếp đó, năm 2012, chính phủ xây dựng kế hoạch 5 năm bảo tồn, khai thác và quản lý di sản văn

hóa giai đoạn 2012-2016.¹

Trong cuốn “Tìm đến làng truyền thống ở Hàn Quốc” (한국의 전통마을을 찾아서) xuất bản năm 2011, tác giả Han Phil Won đã lựa chọn 12 làng dân tộc là làng truyền thống tiêu biểu của Hàn Quốc cần được bảo tồn bao gồm: làng Olgol, làng Hangaer, làng Nakan, làng Seongeup, làng Hahoe, làng Ganggol, làng Yangdong, làng Dorae, làng Taksil, làng Wontho, làng Weam, làng Wanggok. Đây đều là các làng có đặc trưng nổi bật về cảnh quan thiên nhiên, giá trị văn hóa v.v...

Bên cạnh đó, Viện Kiến trúc truyền thống Châu Á (ATA) cũng đưa ra danh sách các làng truyền thống tiêu biểu đã và đang được bảo tồn của Hàn Quốc. Các làng này được liệt kê chi tiết hơn theo từng vùng miền như bảng 4 dưới đây.

Bảng 4. Danh mục các làng bảo tồn tiêu biểu của Hàn Quốc theo khu vực

Seoul	Bukcheon (Gahoe dong)		
Chungcheong do	Sangsa maeul	Weam maeul	
Kyeongsang do	Namsa maeul		Taksil maeul
	Museum maeul	Baraemi maeul	Bosam maeul
	Yangdong maeul	Olgol maeul	Wontho maeul
	Hahoe maeul	Hangaer maeul	Hwangcheon maeul
Jeolla do	Ganggol maeul	Geumgok maeul	Nakgan maeul
	Dorae maeul	Bangchon maeul	Hyodong maeul
Gangwon do	Wanggok maeul		
Jeju do	Seongeup maeul		

Nguồn: 아시아의 전통건축, <http://ata.hannam.ac.kr/korea/kor-set-k.htm>

Hiện nay, ở Hàn Quốc còn một số làng được bảo tồn khá nguyên vẹn như Andong Hahoe, Seongup Minsok, Kyeongju Yangdong, Goseong Wanggok, Asan Oeam, Seongju Hangaer, Yeongju Museum, Sucheon Nakanupseong. Trong đó, bài viết này chỉ tập trung tìm hiểu mô hình bảo tồn của làng dân tộc Hahoe. Bởi khác với nhiều làng dân tộc khác, Hahoe không chỉ là không gian lịch sử - văn hóa của một thời đã qua mà còn là không gian sống hiện tại của người dân khu

vực Andong, đồng thời là một trong những địa điểm du lịch nổi tiếng nhất Hàn Quốc.

5.1.2. Mô hình bảo tồn làng Hahoe

Hahoe là một trong những ngôi làng truyền thống lâu đời ở Hàn Quốc – nơi dòng họ Bungsallyu đã sinh sống trong suốt 600 năm kể từ đầu thời Choseon (1392). Do được

¹ 김창규 (2016), “우리나라 민속마을제도의 형성과 변천”, 미래문화제도정책연구원.

Chính phủ và người dân sớm có chính sách bảo tồn nên đến nay làng Hahoe nổi tiếng là nơi còn lưu giữ khoảng hơn 100 nhà truyền thống Hanok và nhiều bảo vật khác. Năm 1984, Hahoe được công nhận là Di sản văn

hóa dân gian quốc gia số 122 và năm 2010 được UNESCO công nhận là Di sản thế giới¹. Kể từ đó Hahoe được Nhà nước thực hiện chính sách bảo tồn rộng rãi.



Hình 1. Toàn cảnh làng Hahoe

Tại Hàn Quốc, mỗi làng dân tộc có những mô hình bảo tồn không hoàn toàn giống nhau.

Tuy nhiên, tất cả các làng phải tuân thủ 6 nguyên tắc bảo tồn chung như Bảng 7 dưới đây².

Bảng 7. Nguyên tắc chung bảo tồn làng dân tộc của Hàn Quốc

STT	Nguyên tắc
1	Ưu tiên bảo tồn và phục dựng lại nguyên trạng
2	Tạo thu nhập cho người dân và khuyến khích giới trẻ quay về làng xây dựng quê hương. Xây dựng thể chế cụ thể để khuyến khích người dân làng tự quản lý, duy trì làng
3	Tăng cường các chương trình trải nghiệm văn hóa truyền thống chất lượng cao phù hợp với đặc trưng từng làng
4	Phân chia rõ ràng: bộ phận tổ chức, bộ phận phụ trách cơ sở hạ tầng, bộ phận phát triển dự án
5	Khai thác hiệu quả, tích cực nguồn tài nguyên có thể kế thừa
6	Một phần tiền lãi thu được từ các dịch vụ phải trích vào quỹ bảo tồn làng

Đáng chú ý là nguyên tắc khai thác hiệu quả, tích cực nguồn tài nguyên của làng. Đó chính là việc xây dựng các chương trình đa dạng để khách thăm quan có thể lựa chọn lịch trình phù hợp thông qua hình thức đăng tin trên trang web và tiếp nhận đặt lịch online trước. Về các chương trình tham quan, chính phủ Hàn Quốc ưu tiên thiết kế 3 chương trình chính bao gồm Trải nghiệm, Thăm quan di tích và Tham gia các sự kiện văn hóa. Về nội dung *Trải nghiệm*, nhiều chương trình thu hút được cả gia đình tham gia như làm món ăn truyền thống, trải nghiệm cuộc sống

nông thôn như trồng cây trái, rau củ, tái hiện nghi lễ cưới xin, tang ma truyền thống, nghe giảng về văn hóa truyền thống tại các khu học đường, phòng sinh hoạt cộng đồng. Với nội dung *Thăm di tích*, chính phủ Hàn Quốc đã thiết kế các tour thăm quan di sản văn hóa, tư liệu dân gian trong phạm vi không gian nội bộ

¹ Từ điển bách khoa trực tuyến Hàn Quốc <https://terms.naver.com/entry.nhn?docId=5751660&cid=62874&categoryId=63813>

² 김창규 (2016), “제126강 민속마을관리(6) – 민속마을관리제도의 발전4: 민속마을 활용방안”, 미래문화제도정책연구원

của từng làng. Đối với các di tích văn hóa ở khu vực lân cận làng thì thiết kế các tour tham quan riêng theo từng địa điểm di tích và theo từng chủ đề. Tất cả các tour phải có hướng dẫn viên du lịch đi cùng đoàn để thuyết minh các giá trị văn hóa – lịch sử. Đặc biệt, có thể tham quan một số nhà truyền thống lâu đời mà người dân vẫn đang sinh sống. Bên cạnh đó, các sự kiện văn hóa chung thu hút sự tham gia của du khách cũng được chú trọng. Đó là các sự kiện nhằm duy trì, phát huy các nghi lễ truyền thống, lễ hội, trò chơi dân gian của từng làng. Ví dụ, hàng năm, làng Hahoe tổ chức các sự kiện chung như tế lễ cộng đồng ngày rằm tháng giêng, lễ hội trồng nông sản... và các sự kiện đặc trưng riêng như du thuyền ngắm pháo hoa, múa mặt nạ...¹

Theo đường lối chỉ đạo chung của chính phủ, làng Hahoe cũng thành lập Hội bảo tồn làng dân tộc Hahoe vào năm 1984. Trang web chính thức của Hội đã giới thiệu đầy đủ về cơ cấu tổ chức, nội dung đang được bảo tồn và khai thác tại làng Hahoe. Về cơ cấu tổ chức, Hội bảo tồn làng dân tộc Hahoe gồm có 1 giám đốc điều hành, 6 phó giám đốc phụ trách các mảng việc khác nhau, 2 thanh tra giám sát, 1 trưởng phòng phụ trách du lịch, 1 đội trưởng đội triển khai dự án và bên dưới là đội ngũ nhân viên.

Về nội dung được bảo tồn và khai thác, làng Hahoe là một trong số ít làng cổ của Hàn Quốc được phục dựng khá nguyên trạng. Về cảnh quan kiến trúc, làng vẫn giữ được hình thái xưa của các nhà truyền thống, khu sinh hoạt cộng đồng, khu học đường, khu đền chùa thờ cúng, khu miếu thờ, khu rừng tự nhiên, khu bảo tàng. Về di sản văn hóa của làng, đến nay đã có 19 di sản của làng được Nhà nước

công nhận là di sản văn hóa vật thể, phi vật thể cần được bảo tồn. Về đặc trưng văn hóa, nhắc đến Hahoe là nhắc đến các nét đặc trưng như trò chơi dân gian làm và múa mặt nạ, trò chơi dân gian du thuyền ngắm pháo hoa, các cuốn sách cổ ghi chép lịch sử từ ngàn đời, các tài liệu lịch sử quan trọng của gia tộc họ Ryu ghi chép lại các diễn biến liên quan đến cuộc chiến Nhâm Thìn Ngụy loạn, các bảo vật cổ của dòng họ Ryu. Tất cả những đặc trưng văn hóa này đã và đang được người dân trong làng trân trọng và bảo tồn qua nhiều thế hệ.

Một trong những nội dung quan trọng khác đang được bảo tồn hiệu quả tại làng Hahoe là các chương trình trải nghiệm bao gồm: trải nghiệm nghi lễ (lễ tang, lễ cưới), trải nghiệm dân gian (phong tục theo mùa, thủ công tre đan, tái hiện văn hóa sinh hoạt truyền thống), trải nghiệm giáo dục (bài giảng về di sản văn hóa thế giới, lớp học Nho giáo, giáo dục lễ tiết, trải nghiệm viết thư pháp, bài giảng về lịch sử làng Hahoe), trải nghiệm văn hóa (kê thừa tinh hoa văn hóa âm thực truyền thống). Bên cạnh đó, điểm đáng học tập trong chính sách bảo tồn làng Hahoe là việc trang bị trung tâm hướng dẫn du lịch trong làng và phòng tư liệu lưu giữ, chia sẻ các thông tin, tài liệu lịch sử liên quan đến quá trình hình thành và phát triển của làng².

Các chính sách bảo tồn và khai thác của Hàn Quốc đối với các làng dân tộc nói chung và làng dân tộc Hahoe nói riêng không chỉ góp phần gìn giữ các giá trị truyền thống cho dân tộc Hàn mà còn cung cấp những bài học quý báu cho Việt Nam và nhiều quốc gia khác. Tuy nhiên, mọi chính sách đều tồn tại những hạn chế nhất định. Theo kết quả nghiên cứu của Kim Soonki (2016, tr.7), các chính sách bảo tồn và khai thác từ trung ương đến địa phương đã tác động đến làng dân tộc Hahoe không chỉ ở mặt tích cực mà cả mặt tiêu cực. Về mặt tích

¹ 김창규 (2016), “제129장 민속마을관리 (9) - 민속마을관리제도의 발전 7: 민속마을 자원활용사업 개발방안”, 미래문화제도정책연구원.

² 안동하회마을보존회, <http://www.hahoe.or.kr/>

cực, hơn 50% số người được hỏi trả lời rằng cơ hội việc làm của người dân được tăng lên (61,9%). Tiếp đó là các ý kiến đồng ý rằng các chính sách bảo tồn và khai thác làng Hahoe đã giúp nâng cao chất lượng phòng cháy chữa cháy trong làng (50%), làm tăng nhu cầu triển lãm lịch sử văn hóa (50%), khuyến khích người dân tham gia vào các hoạt động văn hóa (45%), làm sống lại nhiều giá trị văn hóa đã mất (40%), khuyến khích người dân tham gia vào lĩnh vực công nghiệp du lịch (38,1%), v.v... Về mặt tiêu cực, người dân cũng xác định tác động của các chính sách khai thác chưa hợp lý như làm tăng sự xâm phạm quyền riêng tư đối với những cư dân đang sinh sống tại làng (80,9%), làm tăng hiện tượng tắc nghẽn giao thông (65%), tăng lượng rác thải (76,2%) và tăng ô nhiễm tiếng ồn (52,3%), v.v...

Những mặt tích cực và hạn chế trong chính sách bảo tồn, khai thác làng dân tộc Hahoe nêu trên là một mô hình thực tế đáng để Việt Nam nghiên cứu học hỏi và rút kinh nghiệm.

5.2. Phương án bảo tồn không gian làng ở thành phố Bắc Ninh

Dựa trên mô hình bảo tồn làng dân tộc Hahoe của Hàn Quốc cũng như kết quả khảo sát của Đề tài “Bảo tồn không gian làng trong lòng đô thị lõi Bắc Ninh”, bài viết này muốn đề xuất một số phương án bảo tồn không gian làng theo 3 tiêu chí: đề xuất theo từng nội dung bảo tồn, đề xuất về chính sách và đề xuất về qui chế quản lí.

5.2.1. Đề xuất các phương án theo từng nội dung bảo tồn

Theo kết quả khảo sát của Đề tài “Bảo tồn không gian làng trong lòng đô thị lõi Bắc Ninh”, chiếm tỷ lệ lựa chọn cao nhất với 80,8% là phương án bảo tồn các di sản văn hóa lịch sử. Tiếp đến là 78,1% lựa chọn phương pháp gìn giữ các nét văn hóa truyền thống và 76,8% lựa chọn phương án xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật như nước

sạch, thoát nước và vệ sinh môi trường, cấp điện, chiếu sáng. Một số phương án bảo tồn khác có tỷ lệ lựa chọn trên 50% như kiến tạo không gian lễ hội, khôi phục các trò chơi dân gian (71,3%), giữ gìn không gian công trình công cộng (68,1%), giữ gìn cảnh quan thiên nhiên (65,1%), quy hoạch chi tiết làng cần bảo tồn (62,5%), giữ gìn một phần diện tích đất nông nghiệp và chuyển đổi mô hình nông nghiệp – đô thị (51,7%), giữ gìn và phát huy nghề truyền thống (51,1%).

Để thực hiện thành công, đề án bảo tồn không gian làng cần tham khảo và lắng nghe ý kiến đóng góp của người dân địa phương. Nói cách khác, các ý kiến đóng góp của người dân chính là cơ sở thực tiễn quan trọng nhất để triển khai các công việc bảo tồn một cách khả thi và hiệu quả. Do vậy, trên cơ sở tổng hợp ý kiến của người dân nêu trên, thiết nghĩ cần ưu tiên trước nhất cho nhóm giải pháp bảo tồn các di sản văn hóa lịch sử, gìn giữ các nét văn hóa truyền thống, kiến tạo không gian lễ hội, khôi phục các trò chơi dân gian, giữ gìn không gian công trình công cộng và cảnh quan thiên nhiên song song với xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong làng.

Đáng chú ý rằng phần lớn các nguyện vọng này đang được tái hiện trong mô hình bảo tồn của làng dân tộc Hahoe của Hàn Quốc. Do vậy, tỉnh Bắc Ninh nói riêng và các tỉnh thành tại Việt Nam nói chung có thể tham khảo phương thức phát triển linh hoạt các chương trình trải nghiệm đặc trưng văn hóa và trò chơi dân gian cũng như phương thức phục dựng nguyên trạng cảnh quan kiến trúc của làng dân tộc Hahoe vào bối cảnh thực tế tại Bắc Ninh và Việt Nam. Nói một cách cụ thể, tỉnh Bắc Ninh nên tổ chức định kì các lễ hội văn hóa, chương trình trải nghiệm, xây dựng tour hướng dẫn du lịch đa dạng phù hợp với đặc trưng riêng của từng làng cũng như phù hợp với nhiều đối tượng khách tham quan. Có thể học tập mô hình phân chia nội dung chương trình trải

nghiệm thành 4 nhóm chính như làng Hahoe bao gồm: chương trình tái hiện nghi lễ truyền thống, chương trình tái hiện văn hóa dân gian, chương trình giáo dục và chương trình tái hiện văn hóa ẩm thực truyền thống. Với đặc trưng văn hóa của Bắc Ninh, thiết nghĩ cần thiết kế và đầu tư kinh phí cho các các chương trình trải nghiệm về văn hóa tâm linh như thăm quan đền, chùa và tìm hiểu lịch sử Nho giáo, Phật giáo; các chương trình trải nghiệm văn hóa dân gian như tham quan và trực tiếp trải nghiệm tại làng tranh Đông Hồ hay các làng quan họ, các làng nghề, v.v...; các chương trình trải nghiệm ẩm thực như thử làm bánh phu thê, bánh tẻ, bánh đa, v.v...

Như đã đề cập ở trên, Bắc Ninh là vùng đất có nhiều di tích lịch sử, phong tục, lễ hội và ẩm thực đa dạng. Do vậy, việc áp dụng tích cực các nội dung bảo tồn này của làng Hahoe sẽ hứa hẹn mang lại hiệu quả cao.

5.2.2. Đề xuất về chính sách

Mọi chính sách, qui hoạch nhằm bảo tồn không gian làng trong lòng đô thị trung tâm Bắc Ninh cũng cần tham khảo ý kiến và bám sát nguyện vọng của người dân. Tức là, bảo tồn phải song song với việc tạo tiện ích trong đời sống sinh hoạt cho người dân. Vẫn còn đó bài học kinh nghiệm từ việc qui hoạch các phố cổ Hà Nội. Bảo tồn kiến trúc cổ, không gian cổ nhưng kéo theo người dân cũng phải sinh hoạt gò bó kiểu cổ truyền trong khi cuộc sống văn minh đô thị đã hiện đại và tiện lợi hơn rất nhiều. Hay như câu chuyện người dân Đường Lâm xin trả lại danh hiệu di sản để mong có điều kiện sống tốt hơn cũng là một bài học cần rút kinh nghiệm cho việc qui hoạch làng trong đô thị tại Bắc Ninh. Mặt khác, cũng có thể rút kinh nghiệm từ những hạn chế của mô hình bảo tồn làng Hahoe để giảm thiểu các tác động tiêu cực như xâm phạm quyền riêng tư đối với những cư dân đang sinh sống tại làng, tắc nghẽn giao thông, tăng lượng rác thải và

tăng ô nhiễm tiếng ồn, v.v... trong quá trình khai thác các giá trị du lịch của làng.

Như vậy, quan điểm của bài viết này là cần thiết phải qui hoạch cụ thể phạm vi, nội dung cần bảo tồn và phương pháp tiến hành bảo tồn. Người dân vẫn có thể sinh sống tại các nhà cổ được bảo tồn nếu họ muốn. Khi đó, các mô hình nhà ở được bảo tồn cần đảm bảo vừa toát lên nét kiến trúc truyền thống vừa đáp ứng được công năng sử dụng cho người dân. Người dân cũng có thể lựa chọn phương án không sinh sống trong các khu nhà ở được bảo tồn. Trong trường hợp này, có thể qui hoạch các khu đất giãn dân cho người dân.

Song song với việc gìn giữ cảnh quan, kiến trúc truyền thống, các nhà qui hoạch đô thị và các nhà hoạch định chính sách cần đặc biệt lưu ý đến việc bảo tồn các không gian sinh hoạt cộng đồng. Ví dụ, không gian tổ chức lễ hội, không gian chợ truyền thống, không gian văn nghệ tập thể, không gian hội họp, v.v... bởi một trong những bản sắc của “Làng Việt” chính là “tính cộng đồng”. Đồng thời, để phát huy tính cộng đồng chặt chẽ của làng, bên cạnh các đề xuất về bảo tồn không gian làng, cần đề xuất các chương trình, hoạt động tập thể để mọi người dân có thể cùng tham gia quản lý, giữ gìn, bảo vệ không gian làng. Ví dụ như hoạt động gây quỹ thường niên để xây dựng và bảo trì các công trình kiến trúc của làng, hoạt động vệ sinh môi trường cảnh quan làng định kì v.v...

Về vấn đề gìn giữ và phát huy đời sống kinh tế cho người dân để hạn chế tối đa hiện tượng “ly nông”, “ly hương”, thiết nghĩ bảo tồn không gian làng trong thời kì hội nhập và kinh tế thị trường cũng cần phải đi liền với một số việc như: tạo dựng các cơ hội phát triển kinh tế cho người dân trong làng trên cơ sở khai thác tiềm năng từ chính không gian làng mình, tạo dựng nguồn vốn xã hội hiệu quả (quan hệ xã hội) cho người dân trong làng, v.v... Việc đầu tư, áp dụng các kĩ thuật

nông nghiệp công nghệ cao để khuyến khích một bộ phận người dân giữ ruộng, giữ nghề cũng là một phương án hiệu quả vừa giúp bảo tồn cảnh quan tự nhiên của làng quê Việt Nam vừa giúp ích cho việc phát triển du lịch làng truyền thống. Mặt khác, cần tạo dựng một số nghề mới phù hợp với điều kiện tự nhiên, xã hội của từng làng để người dân có thể sinh tồn ngay trên chính mảnh đất quê hương. Bên cạnh đó, một trong những cơ hội phát triển kinh tế và mở rộng vốn xã hội cho người dân chính là đẩy mạnh phát triển du lịch làng truyền thống. Đây chắc chắn sẽ là xu hướng thịnh hành trong tương lai. Khi cuộc sống công nghiệp hiện đại ngày càng bận rộn và căng thẳng, con người sẽ càng muốn tìm về những khoảng thời gian và không gian bình yên của thửa xưa. Đó chính là các không gian làng truyền thống. Đến thăm các không gian làng truyền thống, nhiều người có thể gặp lại tuổi thơ của chính mình thông qua hình ảnh những cây đa, giếng nước, sân đình hay khung cảnh người nông dân cấy lúa, trẻ chăn trâu, thả diều. Tuy nhiên, để có thể áp dụng và đẩy mạnh mô hình phát triển du lịch làng trong đô thị, cần tích cực tuyên truyền và giải thích để mỗi người dân trong làng vừa hiểu rõ được lợi ích kinh tế từ loại hình dịch vụ này vừa ý thức rõ được trách nhiệm của bản thân phải gìn giữ và quảng bá các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của làng cho nhiều thế hệ đi sau. Chỉ khi ý thức của người dân được nâng cao tới mức tự giác thì công cuộc bảo tồn không gian làng mới thu được những kết quả bền vững. Tuy nhiên, cũng cần có những quy chế rõ ràng để giới hạn qui mô, mức độ, phương thức phát triển các dịch vụ du lịch khai thác từ không gian làng để tránh trường hợp làng chỉ có vỏ ngoài là truyền thống nhưng ruột thì hoàn toàn hiện đại và thương mại.

5.2.3. Đề xuất về qui chế quản lý

Như đã đề cập ở trên, bảo tồn và khai thác làng dân tộc xuất phát từ nguyện vọng chính

đáng và mang lại lợi ích thiết thực nhất cho chính người dân đang sinh sống tại các làng đó. Do vậy, việc thành lập Hội bảo tồn làng dân tộc Hahoe của Hàn Quốc do chính những người dân trong làng trực tiếp quản lý và vận hành là một phương thức thiết thực giúp bảo tồn và khai thác làng hiệu quả. Hội sẽ xây dựng trang web riêng để ứng dụng các công nghệ thông tin vào quản lý, bảo tồn làng theo hình thức điện tử, số hóa. Do vậy, tỉnh Bắc Ninh cần có cơ chế phát huy tối đa quyền làm chủ người dân địa phương trong việc thành lập Hiệp hội bảo tồn, xây dựng và triển khai các chương trình trải nghiệm văn hóa, xây dựng và triển khai các chương trình phát triển du lịch, xây dựng và áp dụng các chế tài xử phạt vi phạm, v.v...

Ngoài hình thức quản lý trực tiếp, tỉnh Bắc Ninh cần tổ chức các lớp học đào tạo nâng cao trình độ công nghệ thông tin cho các cán bộ phụ trách bảo tồn và quản lý làng để công tác bảo tồn được hệ thống và tiện lợi hơn. Theo đó, mỗi làng cần xây dựng một trang web riêng để vừa cung cấp các thông tin cập nhật về làng, vừa chia sẻ các tư liệu lịch sử vừa tiếp nhận và trả lời các thông tin kịp thời cập nhật liên quan đến bảo tồn và khai thác làng như mô hình làng dân tộc Hahoe.

6. Kết luận

Nghiên cứu này đã trả lời được đầy đủ các câu hỏi nghiên cứu đặt ra. Thứ nhất, về thực trạng các làng thuộc khu vực đô thị trung tâm tỉnh Bắc Ninh hiện nay, nhìn chung đa số các làng còn giữ được hình thái làng rõ rệt nhất. Về nhà ở, có ba hình thức nhà ở phổ biến: kiểu truyền thống, kiểu hiện đại và kiểu nhà cổ (xây dựng trên 70 năm). Về không gian, hầu hết các làng còn giữ được không gian công cộng, hồ nước quanh các khu vực đình, chùa, đền, không gian lễ hội, khu vực nhà văn hóa thôn. Về các công trình tâm linh, hầu hết các làng đều có các công trình Đình, Chùa, Đền,

Nghề, Miếu, trong đó có nhiều công trình được xếp hạng di tích cấp quốc gia, cấp tỉnh. Về các giá trị văn hóa, lịch sử phi vật thể, hầu hết các làng còn lưu giữ nhiều yếu tố truyền thống như dân ca quan họ, ẩm thực, trò chơi dân gian... Về nghề truyền thống, nhiều làng còn lưu giữ và sống được với nghề như làng gỗ Đồng Kỵ, làng sắt thép Châu Khê, làng dệt tơ lụa Tam Tảo – Nội Duệ...

Thứ hai, các nội dung chính cần được bảo tồn tại các làng trong khu vực đô thị trung tâm tỉnh Bắc Ninh gồm có: Cảnh quan thiên nhiên, đặc trưng văn hóa, công trình công cộng (nhà văn hóa, chợ làng, không gian lễ hội) và công trình kiến trúc cổ (đình, chùa, đền, miếu, cổng làng).

Thứ ba, về mô hình bảo tồn làng Hahoe của Hàn Quốc, chính sách bảo tồn của chính phủ Hàn Quốc đang tập trung chủ yếu vào nội dung lưu giữ và phục dựng nguyên trạng cảnh quan kiến trúc nhà ở truyền thống cũng như không gian sinh hoạt cộng đồng. Bên cạnh đó là chính sách đẩy mạnh thiết kế các chương trình trải nghiệm thực tế thu hút sự tham gia của cả người dân địa phương và khách du lịch. Các chính sách bảo tồn được triển khai thực hiện trên nguyên tắc đảm bảo tối đa quyền tự chủ của Hội bảo tồn làng dân tộc Hahoe do chính những người dân địa phương thành lập và quản lý. Đây cũng chính là mô hình bài viết này muốn đề xuất trong công tác xây dựng chính sách bảo tồn không gian làng trong lòng đô thị trung tâm tỉnh Bắc Ninh.

Tài liệu tham khảo

Tiếng Việt

* Sách, tạp chí

- Đặng Văn Bài (2007). Bảo tồn di sản văn hóa trong quá trình phát triển., *Tạp chí Di sản văn hóa*, 2(19), 11-14.
- Đào Ngọc Cảnh và Huỳnh Văn Đà (2013). Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của lễ hội Đình trong cộng đồng người Kinh ở tỉnh Sóc Trăng”. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ* 29 (2), 69 -73.
- Nguyễn Quốc Hùng (2007). Một vài biện pháp bảo tồn

và phát huy giá trị di sản Làng truyền thống đồng bằng Bắc Bộ, *Tạp chí Di sản văn hóa*, 2(19), 15-20.

- Phùng Khánh Linh (2015). *Phát triển làng nghề ở Quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội*. Luận văn thạc sĩ, trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Lê Thị Minh Lý (2003). Làng nghề và việc bảo tồn các giá trị văn hóa phi vật thể. *Tạp chí Di sản văn hóa*, 4, tr. 68-71.
- Phạm Đình Nghĩa (2014). Bảo tồn không gian văn hóa làng. *Báo Bắc Ninh* số ra ngày 12/11/2014.
- Huỳnh Ngọc Phương (2014). *Phát triển du lịch cộng đồng tại các làng nghề truyền thống ở thành phố Nha Trang*. Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.
- Hoàng Đình Tuấn (1999). *Tổ chức không gian kiến trúc làng ngoại thành trong quá trình đô thị hóa của Hà Nội đến năm 2020 với việc giữ gìn văn hóa truyền thống*. Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.
- Bùi Quang Thắng và cộng sự (2012). *Bảo tồn và phát huy lễ hội truyền thống trong xã hội Việt Nam đương đại - Qua trường hợp hội Gióng*. Hà Nội: NXB Văn hóa thông tin.

* Tài liệu về qui hoạch, địa lý hành chính cấp tỉnh Bắc Ninh

- Bảo tàng Bắc Ninh - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bắc Ninh (2010). *Địa danh, địa giới hành chính tỉnh Bắc Ninh*.
- Đồ án quy hoạch đô thị Bắc Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1560/QĐ-TTg ngày 10/9/2015.

Tiếng Hàn

- 김창규 (2016). “우리나라 민속마을제도의 형성과 변천”, 미래문화제도정책연구원.
- 김창규 (2016). “제126강 민속마을관리(6) – 민속마을관리제도의 발전4: 민속마을 활용방안”, 미래문화제도정책연구원.
- 김창규 (2016). “제129강 민속마을관리(9) – 민속마을관리제도의 발전7: 민속마을 자원활용사업 개발방안”, 미래문화제도정책연구원.
- 한필원 (2011). 한국의 전통마을을 찾아서, 휴머니스트.

Tiếng Anh

- DiGregorio, M. (2011). Into the land rush: Facing the urban transition in Hanoi’s western suburbs. *International Development Planning Review*, 33(3), 293–319.
- Dong, J. K. (1999). Conservation Planning in Korean Traditional Villages. *Built Environment*, 3(25), 244 -258.
- Dumreicher, H. (2008). Chinese villages and their sustainable future: The European Union-China-

- Research Project “SUCCESS”. *Journal of Environmental Management*, 2(87), 204-215.
- Fischer, J. (2012). Conservation policy in traditional farming landscapes. *Conservation Letters*, 3(5), 167-175.
- Horward, P. (2003). *Heritage: Mangement, Interpretation, Identity*. London - New York: Continuum, 206 – 208.
- Kim, S. (2016). World Heritage Site Designation Impacts on a Historic Village: A case study on residents’ perceptions on Hahoe Village (Korea). *Journal of Sustainability*, 8(3), 1-16.

OPTIONS FOR PRESERVATION OF VILLAGE SPACE IN BAC NINH’S CENTRAL URBAN AREA (WITH REFERENCE TO THE PRESERVATION MODEL OF HAHOE VILLAGE IN KOREA)

Cao Thi Hai Bac

*VNU University of Languages and International Studies
Pham Van Dong, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Abstract: Using part of data of the study “Preserving village space in the Bac Ninh’s central urban area” conducted by Bac Ninh Institute of Planning and Architecture and other available data sources from books, newspapers, magazines, Internet, combined with many research methods such as the percentage analysis method, the comparative method, this article focuses on three issues: (1) Current situation of villages in the central urban area of Bac Ninh province today, (2) Contents to be preserved in villages in the central urban area of Bac Ninh province, (3) Conservation methods of Korea’s Hahoe village and experience for Bac Ninh. Some of the main results obtained from this study are as follows. Firstly, most of the villages in the Bac Ninh’s central urban area still retain clear traditional village forms. Secondly, the main contents that need to be preserved in villages include: natural landscape, cultural characteristics, public works and ancient architectural works. Thirdly, it is possible to flexibly apply Korea’s village conservation models such as preserving and restoring the status quo of traditional residential architectural landscape as well as community living space, promoting the design of practical experience programs that engage both local people and tourists, maximizing the autonomy of the Association for Conservation of Traditional Villages established and managed by the local people.

Keywords: preserve village space, Bac Ninh’s central urban area, HaHoe traditional village